

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021.

*“V/v: Tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Võ Chắt**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Bà Phạm Thị Phiến và ông Nguyễn Văn Được.**

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Đỗ Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:** **Bà Trần Thị Thủy Hằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 400/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh B. (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Thị B, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh B. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Trần Ngọc T trình bày:** Tôi và bà Thị B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau từ năm 2018, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh B ngày 02/02/2018. Tuy nhiên từ khi kết hôn với nhau đến nay chúng tôi chưa từng chung sống với nhau vì tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay gây gỗ, cãi vã lẫn nhau, bà B không chịu về ở với tôi, bản thân tôi lại là người khuyết tật chỉ mong lấy được người vợ yêu thương mình nên đã nhiều lần khuyên bảo bà B nhưng bà B vẫn không chịu về ở chung với tôi. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống chung không thể níu kéo, tình cảm của tôi đối với bà B không còn nên mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn bà Thị B vắng mặt nên không có lời trình bày.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

*- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không có ý kiến, không tham gia hòa giải, vi phạm quy định tại Điều 68, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*- Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Xác định đây là vụ án “Ly hôn” do ông Trần Ngọc T đứng đơn khởi kiện, bị đơn là bà Thị B cư trú tại ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh B. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*Về việc vắng mặt đương sự:* Bị đơn bà B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng bà B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn là ông T cho thấy, ông T và bà B tự nguyện chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Đ. tỉnh B (nay là thành phố Đ, tỉnh B). Do đó, quan hệ hôn nhân này được xác định là hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông T thì từ khi kết hôn với nhau đến nay ông T và bà B chưa từng chung sống với nhau vì tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay gây gổ, cãi vã lẫn nhau, bà B không chịu về ở với ông, bản thân ông lại là người khuyết tật chỉ mong lấy được người vợ yêu thương mình nên đã nhiều lần khuyên bảo bà B nhưng bà B vẫn không chịu về ở chung với ông. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống

chung không thể níu kéo, tình cảm của ông đối với bà B không còn nên ông mong Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà B vắng mặt nên không có lời trình bày. Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà B thì thể hiện "...về tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà B như thế nào địa phương không rõ, tuy nhiên bà B chỉ sống cùng con riêng của bà B chứ không sống cùng ông T ...". Quá trình hòa giải Tòa án đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với bà B, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

*Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc T.

Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Ngọc T được ly hôn với bà Thị B.

*Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0025278 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đồng Xoài;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *CC THA DS TP Đồng Xoài;*
- *UBND X.Tân Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**Võ Chất**